

Số: /QĐ-UBND

Cẩm Thủy, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Phú,
huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch số: 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Thông tư số: 01/2021/TT-BXD ngày 15/09/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045; Quyết định số 3299/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cẩm Thủy; Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Công văn số 709/SXD-QH ngày 13/2/2020 của Sở Xây dựng Thanh Hóa về việc rà soát điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã; Công văn số 8258/SXD-QH ngày 05/11/2022 của Sở Xây dựng về ý kiến đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy;

Căn cứ Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy về việc Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy đến năm 2030..

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 356/TĐ-KTHT ngày 14/12/2022 (kèm theo Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 08/12/2022 của UBND xã Cẩm Phú),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy đến năm 2030 với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, Phạm vi ranh giới, Quy mô khu vực lập quy hoạch:

- Phạm vi nghiên cứu Quy hoạch: toàn bộ địa giới hành chính xã Cẩm Phú có tổng diện tích tự nhiên toàn xã: 2.140,93 ha.
- + Ranh giới lập Quy hoạch chung xây dựng xã:
 - Phía Bắc là giáp xã Cẩm Long;
 - Phía Nam giáp xã Cẩm Tân;
 - Phía Đông giáp xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc;
 - Phía Tây giáp xã Cẩm Ngọc, Cẩm Tân, huyện Cẩm Thủy.
- Quy mô diện tích lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Cẩm Phú có tổng diện tích nghiên cứu khoảng: 2.140,93 ha.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

2.1. Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, tuân thủ định hướng phát triển theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Cẩm Thủy đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã, làm cơ sở để hướng dẫn quản lý trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý và phát triển các điểm dân cư nông thôn, các khu vực phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp xây dựng,

dịch vụ thương mại... và hệ thống các công trình chuyên ngành. Là công cụ để quản lý xây dựng trên địa bàn xã.

- Gắn kết chặt chẽ với chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn và gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Phát triển hạ tầng giao thông phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3227/QĐUBND ngày 29/8/2017.

- Phấn đấu về đích xã NTM năm 2023 và phấn đấu đạt xã nông thôn mới nâng cao vào năm 2027.

2.2. Tính chất, chức năng của xã:

Trên cơ sở quy hoạch vùng huyện Cẩm Thủy được phê duyệt và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tính chất, chức năng của xã được xác định như sau: Định hướng là khu vực phát triển nông nghiệp toàn diện (nông - lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản), dịch vụ, thương mại, TTCN làng nghề. Là khu vực có nền kinh tế nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cung cấp nông sản và nguồn lao động dồi dào cho các khu vực lân cận.

3. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

3.1. Quy mô dân số, lao động.

+ Dân số dự báo:

- Đến năm 2025: 6.281 người.

- Đến năm 2030: 6.793 người.

+ Lao động và cơ cấu nghề nghiệp.

- Đến năm 2025: Khoảng 3.770 người (60% dân số), trong đó lao động trong ngành nông nghiệp chiếm khoảng 25%, lao động trong các ngành nghề khác khoảng 75%.

- Đến năm 2030: Khoảng 4.415 người (65% dân số), trong đó lao động trong ngành nông nghiệp chiếm khoảng 20%, lao động trong các ngành nghề khác chiếm khoảng 80%.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - Kỹ thuật chủ yếu:

3.2.1. Về sử dụng đất

- Điểm dân cư nông thôn:

- + Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$;

- + Đất xây dựng công trình, dịch vụ: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;
- + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;
- + Cây xanh công cộng: $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$;
- Trụ sở cơ quan xã: $\geq 1.000\text{m}^2$;
- Đất xây dựng trường mầm non, quy mô 50 chỗ/1000 dân: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Đất xây dựng trường tiểu học, quy mô 65 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Đất xây dựng trường trung học, quy mô 55 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Trạm y tế xã: $\geq 500\text{m}^2/\text{trạm}$;
- (*Có vườn cây thuốc Nam*): $\geq 1000\text{m}^2/\text{trạm}$).
- Đất xây dựng nhà văn hóa xã: $\geq 1.000\text{m}^2$;
- Đất xây dựng nhà văn hóa thôn: $\geq 200\text{m}^2$;
- Đất xây dựng sân thể thao xã: $\geq 1.200\text{m}^2$;
- Đất xây dựng sân thể thao thôn: $\geq 300\text{m}^2$;
- Đất xây dựng điểm phục vụ bưu chính viễn thông: $\geq 150\text{m}^2$.
- Đất xây dựng chợ: $\geq 1.500\text{m}^2/\text{chợ/xã}$.

3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường $\geq 0,8$ kg;
- Chỉ tiêu cấp nước: ≥ 80 lít/người/ngày;
- Chỉ tiêu thoát nước bản ≥ 80 % lượng nước cấp;
- Chỉ tiêu cấp điện $\geq 200\text{W}/\text{người}/\text{ngày đêm}$;

3.2.3. Các nội dung khác

Theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT - BXD ngày 19/5/2021 về Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và QCVN xây dựng khác có liên quan.

4. Phân khu chức năng.

4.1. Định hướng tổ chức khu trung tâm xã:

a). Định hướng tổ chức khu vực trung tâm xã

Khu vực trung tâm xã là khu vực UBND xã hiện nay, trong khu vực này bố trí các chức năng hiện có của xã gồm:

- Công sở xã: Giữ nguyên vị trí trung tâm hành chính – chính trị của xã như hiện nay cải tạo mở rộng để xây dựng khu trung tâm văn hóa xã (Ô đất có ký hiệu CQ, diện tích: 0,96 ha).
- Trung tâm Văn hóa – Thể thao:

+ Trung tâm Văn hóa Sân Vận động của xã: Giữ nguyên vị trí cải tạo chỉnh trang (Ô đất có ký hiệu DTT*, diện tích: 0,89 ha);

- Y tế: Giữ nguyên vị trí trạm y tế như hiện nay, tập trung cải tạo chỉnh trang và mở rộng khuôn viên vườn hoa, vườn cây thuốc nam và bổ sung cơ sở vật chất đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. (Ô đất có ký hiệu YT, diện tích: 0,36ha).

- Chợ: Quy hoạch mới chợ quỹ đất trên nền đất trước đây là Nhà văn hóa thôn Thái Long để xây dựng chợ của xã (Ô đất có ký hiệu CHO, diện tích: 0,47ha).

- Trụ sở công an: Hiện nay trụ sở công an xã đang làm việc trong khuôn viên công sở xã, không đáp ứng được nhu cầu làm việc của đơn vị. Vì vậy, trong kỳ quy hoạch này bố trí quỹ đất khoảng 0,24 ha để xây dựng trụ sở Công an xã tại ô đất có ký hiệu CA;

- Các công trình về bưu điện được giữ nguyên theo hiện trạng do đã đáp ứng được yêu cầu về quy mô diện tích, cải tạo chỉnh trang và bổ sung cơ sở vật chất thiết yếu.

- Đài Tưởng niệm: Giữ nguyên vị trí ô đất có ký hiệu LS diện tích 0,24 ha.

b). Định hướng tổ chức các công trình Giáo dục:

+ Trong kỳ quy hoạch lần này, không quy hoạch mới vị trí của Trường học các cấp trên địa bàn xã, tập trung cải tạo mở rộng 1 phần diện tích để tăng diện tích sân chơi cho con em trong xã.

Quy hoạch sử dụng đất các công trình giáo dục xã Cẩm Phú

STT	Công trình	Diện tích (ha)	Ký hiệu ô đất
1	Trường mầm non Cẩm Phú	0,526	GD-03
2	Trường Tiểu học Cẩm Phú	1,395	GD-02
3	Trường Tiểu học Cẩm Phú	1,48	GD-01

c) Định hướng tổ chức khu thương mại dịch vụ.

Nhằm khai thác tối đa hiệu quả lợi thế của khu vực trung tâm xã, đồng thời tạo ra điểm nhấn cho khu vực trung tâm. Bố trí các quỹ đất Quy mô khoảng 1,47ha: Gồm các loại hình: Dịch vụ vận tải, nhà hàng, khách sạn và các cửa hàng kinh doanh thương mại, xây dựng các cửa hàng tiện ích thu hút nhu cầu rất lớn của các công nhân làm việc tại cụm công nghiệp. (Ô đất có ký hiệu TMDV - 01, diện tích: 0,69ha; TMDV -02, diện tích: 0,31ha; TMDV -02, diện tích: 0,47ha);

e) Định hướng tổ chức khu Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Định hướng đến năm 2030, bố trí 01 quỹ đất khoảng 1,48 ha tại phía Bắc của tuyến đường huyện (ĐH-13) thôn Hoàng Thịnh để tổ chức khu tiểu thủ công nghiệp của xã (Ô đất có ký hiệu SKD, diện tích 1,48 ha) ngành nghề hoạt động dự kiến: Sản xuất cơ khí, Sản xuất VLXD, chế biến nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ...

4.2. Định hướng tổ chức khu dân cư mới và cải tạo thôn xóm.

a). Về khu ở hiện trạng cải tạo.

Khu ở hiện hữu, trên địa bàn xã hiện nay có 6 thôn. Với các khu ở hiện trạng, tập trung cải tạo chỉnh trang các cụm dân cư hiện hữu, đặc biệt nâng cấp các tuyến đường giao thông chính trong thôn, huy động các nguồn lực để bổ sung đường điện chiếu sáng, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, cùng với sự bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, cơ sở vật chất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Ban hành các quy định quản lý về trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của các thôn.

b). Về định hướng khu ở mới:

Theo dự báo quy mô dân số, đến năm 2030 xã tăng thêm khoảng **1.058** người, phần vì tăng dân số tự nhiên, phần vì tăng cơ học do lượng dân số quy đổi từ hoạt động sản xuất của khu Công nghiệp hình thành trong tương lai. Để đáp ứng nhu cầu kể trên, việc hình thành các điểm dân cư mới trên cơ sở tiếp cận hạ tầng kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, tận dụng các quỹ đất nông nghiệp có địa hình bằng phẳng hoặc đồi thoải tại khu vực thuận tiện xây dựng.

Với quy mô dân số phát sinh như trên, diện tích đất ở mới yêu cầu trong khoảng 10-20 ha. Xác định 14 điểm dân cư nông thôn có tổng quy mô đất ở mới khoảng 18,115 ha.

4.3. Các công trình hạ tầng xã hội.

a). Nhà văn hóa, khu thể thao thôn.

Gồm các khu vực nhà văn hóa, khu thể thao thôn với tổng diện tích khoảng 4,485 ha được bố trí trên địa bàn 6 thôn, yêu cầu về diện tích đảm bảo quy mô tối thiểu nhằm đạt tiêu chí NTM nâng cao.

Yêu cầu về kiến trúc đối với nhà văn hóa: Phù hợp với khu vực nông thôn làng xã, khu vực đồng bằng, phù hợp với công trình văn hóa, các thiết chế văn hóa; chiều cao từ 1-3 tầng; Mật độ xây dựng $\leq 40\%$.

4.4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất nông nghiệp.

Với quy mô đất sản xuất nông nghiệp như hiện nay cùng với hệ thống thổ nhưỡng khá thuận lợi, xã Cẩm Phú có hệ thống nông nghiệp khá đa dạng, từ các loại

đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm, đất trồng lúa, nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên việc tiếp nhận khoa học công nghệ còn khiêm tốn, sản xuất nông nghiệp theo hướng cơ giới hóa vẫn chưa đạt nhiều hiệu quả.

Với mục tiêu cụ thể hóa các chủ trương, định hướng phát triển của xã, Quy hoạch vùng huyện Cẩm Thủy đến năm 2045. Khu vực phát triển nông nghiệp xã Cẩm Phú được phân bổ như sau:

- Vùng nông trại: Vùng phí Tây Bắc thuộc thôn Lạc Long với quy mô khoảng 15 – 30 ha, đây là vùng cung cấp nguồn nông sản sạch cho thị trấn Phong Sơn, cụm Công nghiệp và các khu vực lân cận.

- Vùng trồng cây hàng năm, cây lâu năm: Vùng phía Đông Nam của xã tại có quy mô khoảng 40 - 50ha, với đặc trưng của vùng đất giàu phù sa, vùng này khá thuận lợi cho việc trồng các loại cây ngắn ngày và cây ăn quả.

- Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Vùng Phía Nam tại thôn Thái Long có quy mô khoảng 20 ha, đây sẽ là vùng phát triển nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ hàng đầu xã Cẩm Phú cũng như huyện Cẩm Thủy.

5. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã khoảng: 2.140,93ha. Trong đó đất Xây dựng chiếm khoảng: 475,666ha; Đất sản xuất nông nghiệp: 1.632,654 ha.

BẢNG TỔNG HỢP CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT				
STT	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		2.140,93	100
A	ĐẤT XÂY DỰNG	DXD	475,666	22,22
1	Đất ở nông thôn	ONT	315,365	
1.1	Đất ở mới	DCM	18,115	
-	Dân cư mới - 01	DCM-01	0,535	
-	Dân cư mới - 02	DCM-02	2,9	
-	Dân cư mới - 03	DCM-03	1,3	
-	Dân cư mới - 04	DCM-04	1,46	
-	Dân cư mới - 05	DCM-05	1,86	
-	Dân cư mới - 06	DCM-06	0,81	
-	Dân cư mới - 07	DCM-07	0,66	
-	Dân cư mới - 08	DCM-08	1,03	
-	Dân cư mới - 09	DCM-09	1,29	
-	Dân cư mới - 10	DCM-10	1,95	
-	Dân cư mới - 11	DCM-11	0,53	
-	Dân cư mới - 12	DCM-12	0,89	
-	Dân cư mới - 13	DCM-13	1,93	

-	Dân cư mới - 14	DCM-14	0,97	
1.2	Đất ở hiện trạng cải tạo	HTCT	297,25	
2	Đất công cộng	CC	10,696	
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	CQ	2,45	
-	Công sở UBND xã	CQ	0,97	
-	Sân vận động xã	DTT*	0,98	
-	Trụ sở CA	CA	0,23	
-	Đài tưởng niệm liệt sỹ	DTN	0,27	
2.2	Trạm y tế	YT	0,36	
2.3	Đất giáo dục	GD	2,881	
-	Trường THCS	GD-01	1,48	
-	Trường tiểu học	GD-02	0,875	
-	Trường Mầm non	GD-03	0,526	
2.4	Đất sinh hoạt cộng đồng	SHCD	4,485	
2.4.1	Nhà văn hóa	CC	1,522	
-	NVH thôn Hoàng Vĩnh	CC-03	0,34	
-	Đất SHCD thôn Hoàng Vĩnh	SHCD-01	0,13	
-	NVH thôn Lạc Long	CC-01	0,12	
-	Đất SHCD thôn Lạc Long	SHCD-02	0,1	
-	NVH thôn Hoàng Thịnh	CC-02	0,13	
-	Đất SHCD thôn Hoàng Thịnh	SHCD-03	0,11	
-	NVH thôn Tiến Long	CC-04	0,16	
-	NVH thôn Thái Long	CC-05	0,15	
-	NVH thôn Thanh Phúc	CC-06	0,282	
2.4.2	Đất thể thao, cây xanh công cộng	DTT	2,963	
-	SVD thôn Hoàng Vĩnh	DTT-03	0,53	
-	SVD thôn Lạc Long	DTT-01	0,693	
-	SVD thôn Hoàng Thịnh	DTT-02	0,52	
-	SVD thôn Tiến Long	DTT-04	0,54	
-	SVD thôn Thái Long	DTT-05	0,36	
-	SVD thôn Thanh Phúc	DTT-06	0,32	
2.5	Đất điểm bưu điện – văn hóa xã	BD	0,05	
2.6	Chợ dân sinh	CHO	0,47	
3	Đất Sản xuất kinh doanh	SKD	1,48	
4	Đất dịch vụ thương mại	TMDV	1,9	
-	Đất dịch vụ thương mại 1	TMDV-01	0,69	
-	Đất dịch vụ thương mại 2	TMDV-02	0,31	
-	Đất dịch vụ thương mại 3	TMDV-03	0,47	
-	Khu CNDV hỗ trợ phát triển KT nông thôn	CNK	0,43	
5	Đất hạ tầng kỹ thuật		146,225	
5.1	Đất giao thông, bãi đỗ xe	GT	123,95	
5.2	Đất nghĩa trang tập trung	NT	10,42	
-	Đất nghĩa trang đóng cửa, trồng cây xanh	CX	10,875	

5.3	Đất công trình hạ tầng (gồm bãi tập kết CTR)	CTR	0,98	
B	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	DNN	1.632,654	76,26
I	Đất nông nghiệp		893,114	
1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	798,834	
2	Vùng SXNN công nghệ cao	NNCNC	30	
3	Vùng trồng hoa, cây ăn quả	CAQ	20	
4	Vùng trồng rau an toàn	RAT	15	
5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	27,6	
6	Đất sản xuất nông nghiệp khác	NNK	1,68	
II	Đất lâm nghiệp	LNP	739,54	
1	Đất rừng sản xuất	RSX	739,54	
C	ĐẤT KHÁC		32,62	1,52
1	Đất sông ngòi, kênh rạch, mặt nước CD	SON; MNC	28,68	
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	3,94	

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật

6.1. Quy hoạch giao thông: Hệ thống giao thông xã Cẩm Phú được chia thành giao thông đối ngoại và giao thông đối nội.

a). Hệ thống giao thông đối ngoại:

- **QL217:** Đoạn đi qua địa bàn xã Cẩm Phú có tổng chiều dài 200m là tuyến vành đai phía Nam của xã; Hướng tuyến giữ nguyên, nâng cấp theo dự án chính phủ đạt quy mô đường cấp III; Quy mô mặt cắt ngang: Nền đường: 12,0 m; Hành lang giao thông: 30,0 m; Lộ giới: 42,0 m; Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

- **Đường tỉnh Minh Sơn – Thành Minh:** Đoạn đi qua địa bàn xã Cẩm Phú có tổng chiều dài 3,9 km là trục chính trung tâm của xã. Hướng tuyến giữ nguyên, nâng cấp theo dự án chính phủ đạt quy mô đường cấp III. Quy mô mặt cắt ngang: Nền đường: 12,0 m; Hành lang giao thông: 30,0 m; Lộ giới: 42,0 m; Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

- Đường huyện:

+ Đường huyện ĐH-08: Đoạn chạy qua xã có tổng chiều dài là 2,8km được thiết kế là đường cấp IV theo định hướng Quy hoạch vùng huyện.

+ Đường huyện ĐH-09: Đoạn chạy qua xã có tổng chiều dài là 4,5km được thiết kế là đường cấp IV theo định hướng Quy hoạch vùng huyện.

+ Đường huyện ĐH-12: Đoạn chạy qua xã có tổng chiều dài là 4,8 km được thiết kế là đường cấp IV theo định hướng Quy hoạch vùng huyện.

+ Đường huyện ĐH-13: đoạn chạy qua xã có tổng chiều dài là 4,2km được thiết kế là đường cấp IV theo định hướng Quy hoạch vùng huyện.

Các tuyến đường có lộ giới 27,0 m (mặt đường 7,0m; hành lang giao thông mỗi bên 10,0m). Kết cấu mặt đường: Mặt đường cứng hóa bê tông nhựa.

b) Hệ thống giao thông đối nội.

- **Đường Xã:** Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường hiện trạng và quy hoạch mới một số tuyến để phù hợp với tình hình phát triển chung của xã. Tùy theo điều kiện cụ thể lựa chọn quy mô mặt cắt ngang cho phù hợp. Quy mô mặt cắt ngang điển hình: Mặt đường: 7,5m; Lề đường (đoạn qua khu dân cư là Vía hè): 2 x 5m; Nền đường: 17,5m.

- **Đường trục thôn:** Nâng cấp, mở rộng tuyến đường hiện trạng. Tùy theo điều kiện cụ thể lựa chọn quy mô mặt cắt ngang cho phù hợp. Quy mô mặt cắt ngang điển hình: Mặt đường: 5,5m; Lề đường (đoạn qua khu dân cư là Vía hè): 2 x 3m; Nền đường: 11,5m.

Kết cấu mặt đường: Mặt đường cứng hóa bê tông xi măng.

6.2. Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng.

Chỉ tiêu cấp điện: $\geq 150\text{W}/\text{người}/\text{ngày}/\text{đêm}$. Tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$.

Tổng nhu cầu cấp điện toàn xã: 975KW

Nguồn điện: Nguồn cung cấp điện từ đường dây trung áp 35KV dọc tuyến Quốc lộ 217.

Mạng lưới cấp điện:

Mạng lưới trung áp: Cải tạo một số tuyến trung áp hiện hữu và xây dựng mới tuyến trung áp đến các khu vực phát triển mới.

* Trạm biến áp phân phối:

+ Các trạm biến áp hiện có được giữ nguyên vị trí, được tính toán và nâng công suất để đáp ứng nhu cầu thực tế.

+ Quy hoạch mới 02 trạm biến áp cho khu vực phía Bắc thôn Thanh Phúc và phía Nam thôn Thái Long, công suất dự kiến khoảng 200 KVA/ mỗi trạm. Trạm biến áp phân phối quy hoạch mới khuyến khích sử dụng loại trạm mặt đất (trạm Kiosk, trạm phòng, trạm trụ).

* Mạng lưới hạ thế : Mạng lưới 0,4KV hiện tại được cải tạo và di chuyển theo các tuyến giao thông cấp điện từ trạm biến áp phân phối đến các đối tượng tiêu thụ.

* Chiếu sáng: Xây dựng mới đường dây chiếu sáng trên các trục đường chính của xã nguồn điện lấy từ các trạm biến áp, sử dụng hệ thống đường dây cấp

điện cũ trên cơ sở nâng cấp chất lượng tiến tới cáp bọc hóa đường dây. Kéo dài hệ thống đường dây cho khu dân cư mới.

6.3. Cấp nước:

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Cấp nước sinh hoạt: 100 l/người.ngđ.

+ Cấp nước khu trung tâm chức năng: 45 m³/ha.

+ Lưu lượng nước thất thoát: 8% lưu lượng cấp nước.

Dự kiến nhu cầu sử dụng nước khoảng 1.000m³/ngđ

- Nguồn nước và hệ thống cấp nước: Nguồn cấp nước sạch cho xã Cẩm Phú được dự kiến lấy từ nhà máy nước sạch Cẩm Tân (theo quy hoạch vùng huyện) cấp đến các hộ dân trong xã. Mạng lưới đường ống cấp nước nội bộ được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt, các đường ống đi ngầm dưới vỉa hè hoặc lòng đường, với tiết diện đường ống chính D300, tiết diện đường ống phụ D200; Giai đoạn trước mắt, nguồn nước sinh hoạt được lấy từ nguồn nước giếng khoan từ các mạch nước ngầm, nước mưa, nước mố.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước có đường kính >D100 mm và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 150m.

- Nguồn nước ngầm và nước mặt nước sông được sử dụng cung cấp cho sản xuất nông nghiệp.

6.4. Thoát nước mưa và thoát nước thải:

a). Thoát nước mưa và CBKT.

- Tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo khu vực nghiên cứu quy hoạch không bị ngập úng, sạt lở.

- Kết hợp hài hòa cao độ nền khu dân cư hiện trạng và cao độ nền của khu đất quy hoạch xây dựng mới.

- Không chế cao độ san nền với khu vực trung tâm xã, các khu vực quy hoạch mới như đất TMDV, TTCN.

+ Cao độ không chế khu vực cao nhất: + 46,60m.

+ Cao độ không chế khu vực thấp nhất: + 15,50m.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế chạy dọc theo các tuyến giao thông trong khu vực lập quy hoạch và đổ ra kênh, mương sông suối.

- Công thoát nước lựa chọn công tròn BTCT, Tiết diện gồm 02 loại chính:

+ Tiết diện công chính: D1200

+ Tiết diện cống phụ: D600

- Bố trí các cửa xả ra các kênh mương, hồ hiện hữu tại các đoạn có cao trình thấp.

b) Thoát nước thải.

Đối với nước thải sinh hoạt của các khu dân cư trong thôn đã xử lý thô cho phép được chảy vào hệ thống cống thoát nước thải chạy dọc theo các tuyến giao thông chính và đổ dồn về nhà máy xử lý nước thải Cẩm Phú công suất 1500 m³/ngày.đêm.

Đối với nước thải chăn nuôi và cơ sở sản xuất chế biến bắt buộc xây dựng hệ thống chứa nước thải để xử lý trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

- Nhu cầu thoát nước thải lấy bằng 90% lượng nước cấp:

$$Q_{tn} = 90\% Q_{cn} = 1.620\text{m}^3/\text{ngđ}$$

- Cống thoát nước lựa chọn cống tròn BTCT, Tiết diện gồm 02 loại chính:

+ Tiết diện cống chính: D400

+ Tiết diện cống phụ: D300

Bố trí 01 trạm xử lý nước thải tại khu vực phía Nam của xã, thôn Thái Long có quy mô diện tích 0,65 ha.

6.5. Quản lý chất thải rắn và quy hoạch nghĩa trang

- Về chất thải rắn: Không quy hoạch khu xử lý rác thải tại xã, bố trí 01 điểm tập kết rác trong khu vực nghiên cứu tại Thôn Thái Long có quy mô 0,98ha. Đạt khoảng cách an toàn tới các khu dân cư, khu sản xuất; điểm tập kết rác thải được trồng cây xanh cách ly dày 10m bao quanh.

- Về quản lý nghĩa trang:

+ Giai đoạn ngắn hạn: Nên vẫn giữ lại một số nghĩa trang lớn, tập trung để thuận tiện cho người dân, đảm bảo bán kính phục vụ.

+ Giai đoạn dài hạn: Việc chôn cất cho người mất thực hiện theo quy hoạch vùng huyện đã được duyệt.

6.6. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động.

- Nguồn cấp: Lấy từ nguồn cáp viễn thông từ trạm tổng đài vệ tinh Cẩm Thủy theo Đường tỉnh nối 523C và QL217.

- Mạng lưới cáp viễn thông chính: Bố trí dọc Đường tỉnh nối 523C và QL217 và đường trục xã đến các trạm viễn thông phân phối.

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

7.1. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

a) Giai đoạn 2020-2025.

Đầu tư các công trình mang tính tạo lực phát triển bao gồm:

- Nhà ở, trường học: Xây dựng một phần các khu ở mới (khoảng 15,0 ha) đáp ứng cho người dân khu vực và tạo nguồn thu ngân sách. Mở rộng và cải tạo các cơ sở giáo dục theo quy hoạch.
- Khu vực tiêu thủ công nghiệp, làng nghề thủ công mỹ nghệ;
- Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, thoát nước thải và vệ sinh môi trường;
- Xây dựng mới và cải tạo mở rộng NVH - Khu thể thao các thôn theo quy hoạch;
- Xây dựng trụ sở Công an;
- Khoanh vùng, tổ chức sản xuất một phần các khu nông nghiệp tập trung;
- Từng bước cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu.

b) Giai đoạn 2025-2030.

Đầu tư các khu ở còn lại, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật đô thị, xây dựng các công trình hạ tầng xã hội.

- Hoàn thiện các khu ở còn lại: 3,1 ha;
- Xây dựng các khu công viên thể thao và các công trình cảnh quan;
- Hoàn thiện khu vực làng nghề thủ công mỹ nghệ;
- Phát triển các khu sản xuất tập trung hết quy mô theo quy hoạch.
- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng từng thôn xóm, cứng hóa toàn bộ giao thông, kiên cố các công trình thủy lợi.

7.2. Nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách xã và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác. (*Chi tiết có đồ án quy hoạch chung xây dựng kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Cẩm Phú có trách nhiệm:

- Phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoàn chỉnh hồ sơ, đóng dấu, lưu trữ theo quy định và tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Phú, huyện Cẩm Thủy đến năm 2030; trong thời gian 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được duyệt, để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện;
- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.
- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng và các đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND- UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Cẩm Phú và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Phạm Viết Hoài